

THỰC TRẠNG BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT - TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN THỊ PHƯƠNG *

Tóm tắt: Từ điển là một trong những công cụ tra cứu, học tập cần thiết, giúp ích cho việc học ngoại ngữ. Ngoài ra còn là phương tiện giúp tiếp cận các nền văn hóa trên thế giới. Việc nghiên cứu các ngôn ngữ dân tộc luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm nhằm tăng cường mối đoàn kết giữa các dân tộc, qua đó giúp phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục,... Bài viết tìm hiểu về tình hình biên soạn từ điển tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Từ điển, tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số.

Abstracts: Dictionary is one of the essential and useful search and learning tools for learning foreign languages. In addition, it is also a means to help access cultures around the world. The study of ethnic languages is always of interest to the Party and State in order to strengthen solidarity among ethnic groups, thereby helping to develop the economy, culture, education, etc. This article explores the current situation of compiling Vietnamese - ethnic minority language dictionaries in Vietnam today.

Keywords: Dictionary, Vietnamese, ethnic minority languages.

1. Mở đầu

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, trong đó có một dân tộc chiếm đa số là dân tộc Kinh và 53 dân tộc thiểu số. Việc đoàn

kết các dân tộc để tăng cường mối đoàn kết toàn dân nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục,... luôn là chủ trương được Đảng và Nhà nước coi trọng thực hiện. Trong đó, vấn đề ngôn ngữ dân tộc luôn được quan tâm. Chính sách công tác dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn nhấn mạnh: “*Ngoài tiếng phổ thông, các dân tộc có chữ viết riêng được khuyến khích học chữ dân tộc... dùng tiếng nói dân tộc và chữ viết của các dân tộc có chữ viết trên các phương tiện thông tin đại chúng ở vùng dân tộc*” [18]. Xuất phát từ chủ trương đó, việc tuyên truyền, phổ biến tri thức, nhận thức về dân tộc, ngôn ngữ dân tộc luôn được chú trọng. Từ điển là một dạng sách công cụ tra cứu phổ biến, thuận tiện, nên các loại từ điển về dân tộc nói chung và từ điển tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số nói riêng cũng nhận được sự quan tâm nghiên cứu, có nhiều cuốn từ điển dạng này đã được biên soạn từ sớm, mang nhiều ý nghĩa trong việc phát triển văn hóa, giáo dục. Do đó, việc tìm hiểu tình hình biên soạn các công trình từ điển tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số hiện nay cũng rất cần thiết. Bài viết này nhằm khái quát tư liệu vấn đề nêu trên.

* ThS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: tranphuong7990@gmail.com

2. Nội dung

Theo các tài liệu chính thức, trên lãnh thổ Việt Nam có 54 dân tộc cùng chung sống. Xét về mặt ngôn ngữ, có nhiều trường hợp một ngôn ngữ dân tộc gồm nhiều nhóm địa phương, nói các thứ tiếng khác nhau. Các thứ tiếng này có thể là các ngôn ngữ độc lập, thuộc cùng một nhóm cội nguồn (trường hợp ngôn ngữ của dân tộc Mông, dân tộc Thái, dân tộc Chứt, dân tộc Tà Ôi,...). Các thứ tiếng cũng có thể là các ngôn ngữ độc lập, thuộc những nhóm thân tộc khác nhau của cùng một ngữ hệ (trường hợp ngôn ngữ của dân tộc Tày). Đồng thời, các thứ tiếng cũng có thể là các ngôn ngữ độc lập, thuộc các ngữ hệ hoàn toàn khác nhau (trường hợp ngôn ngữ của dân tộc Dao). Như vậy, số lượng ngôn ngữ dân tộc được phân bố trên lãnh thổ Việt Nam chắc chắn lớn hơn con số 54 dân tộc [16, tr.5].

Qua nhiều nghiên cứu trước đây, các cuốn từ điển tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số được biên soạn ở nước ta phần lớn là từ điển song ngữ. Trong đó, từ điển song ngữ là dạng từ điển ngữ văn, loại này chủ yếu gồm từ điển hai thứ tiếng, để làm đối tượng biên soạn cho từ điển. Ở nước ta, việc biên soạn các loại từ điển song ngữ tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số một mặt xuất phát từ nhu cầu của xã hội, nhưng mặt khác đó cũng là nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã giao cho các nhà nghiên cứu, các cơ quan chuyên môn. Việc biên soạn và xuất bản các loại từ điển song ngữ tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số hay tiếng dân tộc thiểu số - tiếng Việt vì thế không đơn thuần chỉ là công việc thuần túy của khoa học, mà đó còn là nhiệm vụ chính trị, góp phần thực hiện thành công đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta. Theo nghiên cứu của Nguyễn Hữu Hoành, đến thời điểm năm 2010, nước ta đã biên soạn và xuất bản

19 từ điển Việt - ngôn ngữ dân tộc thiểu số và 11 từ điển ngôn ngữ dân tộc thiểu số - Việt [11, tr.78]. Các công trình từ điển tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số hướng đến những mục tiêu sau:

- Phục vụ cho việc học tiếng Việt đối với người đồng bào dân tộc thiểu số, đây được xem là mục đích chủ yếu của các từ điển.

- Phục vụ cho việc học tiếng dân tộc bản địa đối với các cán bộ là người Kinh và các dân tộc thiểu số khác.

- Phục vụ cho công tác nghiên cứu tiếng dân tộc.

Từ điển song ngữ tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số trước hết là công cụ giúp đồng bào dân tộc thiểu số đọc và hiểu tiếng Việt, đây phải là nhiệm vụ chính, ưu tiên hàng đầu. Ngoài ra đây cũng là công cụ giúp người Kinh học nói và học viết tiếng dân tộc thiểu số, tài liệu giúp cho việc nghiên cứu ngôn ngữ học,... Bài viết sẽ điềm lại một cách khái quát về các cuốn từ điển song ngữ tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số được biên soạn từ những thời kỳ đầu cho đến hiện nay.

2.1. Từ điển tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số

Trong các từ điển song ngữ tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số thì xuất hiện sớm nhất là cuốn *Từ điển Việt - Giarai* [3] do Romah Đêl biên soạn lần đầu có 1 tập, 724 trang, khổ 15×22 cm do Nxb. Khoa học xã hội xuất bản vào năm 1977. Phần chính của cuốn từ điển có 11.000 từ tiếng dân tộc thông dụng (không thu thập từ cổ, từ địa phương, từ chuyên môn hẹp hay từ tục) dựa vào bảng từ của cuốn *Từ điển tiếng Việt phổ thông* lấy tiếng Giarai ở vùng Cheo Rao làm cơ sở, có kèm theo phụ lục cách đọc chữ dân tộc Giarai. Từ điển được in lần

thứ 2 với tiêu đề *Từ điển Việt - Jrai* do Sở Văn hóa thông tin tỉnh Gia Lai biên soạn, Nxb. Văn hóa dân tộc xuất bản năm 1995, có 431 trang, khổ 15×20 cm.

Từ điển Việt - Khome [12] do Hoàng Học biên soạn, gồm 2 tập, 1.761 trang, khổ 14,5×20,5 cm do Nxb. Khoa học xã hội ấn hành vào năm 1979. Từ điển cấu trúc theo 33 vần của tiếng Khome, sắp xếp theo thứ tự các phụ âm và dấu nguyên âm Khome. Theo đánh giá của Vũ Quang Hào thì cuốn này về cơ bản dựa theo cách thức trình bày của quyển *Từ điển tiếng Khor Me*, Phnom Pênh xuất bản năm 1962 [8, tr.545 - 546]. Còn cuốn *Từ điển Việt - Khmer* [10] mới nhất do nhóm Sơn Phước Hoan, Phan Xuân Thành biên soạn, Nxb. Giáo dục in năm 2004, có 516 trang, khổ 14,3×20,3 cm. Từ điển này thu thập khoảng 9.000 mục từ thuộc lớp từ cơ bản và lớp từ văn hóa thường dùng của tiếng Việt và tiếng Khmer. *Từ điển Việt - Khmer* [10] được biên soạn chủ yếu dành cho học sinh dân tộc Khmer học tiếng Việt. Ngoài ra, còn góp phần cung cấp những ngữ liệu cần thiết cho việc nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa dân tộc Khmer. *Từ điển Việt - Khmer* [10] thu thập và đối dịch những từ ngữ trong lớp từ cơ bản, lớp từ văn hóa thông dụng, gắn liền với đời sống vật chất - văn hóa, với việc học tập của học sinh dân tộc Khmer nói riêng, của cộng đồng người Khmer nói chung. Khác với những cuốn từ điển đối chiếu Việt - Khmer đã có trước đây, cuốn *Từ điển Việt - Khmer* [10] này chú ý nhiều hơn tới việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp thường ngày của cộng đồng tộc người. Từ điển xếp theo bảng chữ cái và thanh điệu tiếng Việt. Cấu trúc mục từ bao gồm: mục từ tiếng Việt - từ tương đương tiếng Khmer, ngữ cảnh ví dụ tiếng Việt kèm

lời đối dịch bằng tiếng Khmer. Ở mỗi mục từ tiếng Việt, các tác giả đều phân tách các nghĩa rất cụ thể, tinh tế với ví dụ (ngữ cảnh) kèm theo để đối dịch sang tiếng Khmer. Các hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa, đa nghĩa, hiện tượng chuyển loại của từ ngữ trong tiếng Việt và tiếng Khmer đều được xử lý cụ thể, thỏa đáng.

Sau khi hai từ điển kể trên được xuất bản, có một cuốn từ điển ngôn ngữ dân tộc đáng chú ý tiếp theo được ra đời đó là *Từ điển Việt - Koho* [7] do nhóm Hoàng Văn Hành, Tạ Văn Thông, Vũ Bá Hùng,... cùng Sở Văn hóa thông tin tỉnh Lâm Đồng chủ trì xuất bản năm 1983, sách có 187 trang, khổ 14,5×20,5 cm. Từ điển này thu thập khoảng 6.000 từ ngữ thường dùng, thuộc vốn từ cơ bản của tiếng Việt và tiếng Koho. Đối với những từ đa nghĩa chỉ đối chiếu nghĩa cơ bản. Đối với những từ chuyển loại được coi như những từ đồng âm cùng gốc, chỉ xếp vào một mục từ, khi đối chiếu đưa hai nghĩa ứng vào hai từ loại. Nếu không có sự tương đương về nghĩa thì tùy từng trường hợp mà chọn cách đối dịch phù hợp.

Từ điển Việt - Êđê [19] do Đoàn Văn Phúc biên soạn, Nxb. Giáo dục in năm 1993. Cuốn từ điển này là công trình khoa học do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk phối hợp với Viện Ngôn ngữ học biên soạn. Các tác giả của công trình này đã xây dựng và đối chiếu rất công phu, tỉ mỉ hệ thống 10.000 đơn vị từ vựng cơ bản và thông dụng Việt - Êđê. Cuốn từ điển là công cụ để đồng bào Êđê nâng cao trình độ tiếng Việt cũng như cho người Kinh cần học tập tiếng Êđê. Đây cũng là công trình tra cứu tư liệu về dân tộc Êđê của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ.

Từ điển Việt - Chăm [15] do Bùi Thế Khánh chủ biên, sách có 486 trang, khổ

14,5×20,5 cm, Nxb. Khoa học xã hội in năm 1996. Cuốn từ điển được xây dựng dựa trên các bảng từ, trong các bảng từ gồm có từ đơn, từ ghép, từ láy và các từ mang ý nghĩa tương đương của từ tiếng Việt và ngôn ngữ Chăm, bên cạnh đó còn có một số đơn vị có tính thành ngữ hoặc một số từ tổ hợp tự do, gồm cả danh từ riêng, không thu thập từ ngữ địa phương hoặc thuật ngữ hẹp. Từ ngữ Chăm được ghi theo quy tắc chuyển tự từ chữ Chăm Akkhartharah và từ ngữ Chăm đối chiếu ghi theo cách phát âm đương thời tại vùng đồng bào dân tộc Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận [8, tr.672]. Gần đây có cuốn *Từ điển Việt - Chăm* [13] do Inrasara và Phan Xuân Thành biên soạn, có 511 trang, khổ 14,3×20,3 cm, Nxb. Giáo dục ấn hành năm 2004. Từ điển đã thu thập và giải thích 600 mục từ, đều thuộc lớp từ cơ bản. Cuốn từ điển được biên soạn chủ yếu phục vụ trong nhà trường để dạy chữ Chăm cho học sinh nên các từ ngữ gắn liền với đời sống văn hóa của cộng đồng dân tộc Chăm. Chú ý đến việc sử dụng ngôn ngữ Chăm trong giao tiếp, từ ngữ được xếp theo bảng chữ cái và thanh điệu tiếng Việt. Cấu trúc của mỗi mục từ trong từ điển bao gồm: tên mục từ bằng tiếng Việt - từ tương đương của tiếng Chăm cổ và tiếng Chăm đương thời - ngữ cảnh của từ tiếng Việt kèm lời đối dịch bằng tiếng Chăm.

Từ điển Việt - Tày - Nùng [17] do Hoàng Văn Ma và Lục Văn Pảo biên soạn, có 535 trang, khổ 13×19 cm, Nxb. Khoa học xã hội xuất bản năm 1984. Cấu trúc cuốn từ điển gồm các phần: lời nói đầu, nguyên tắc biên soạn và cách sử dụng từ điển, tài liệu tham khảo và phần chính là bảng mục từ. Đây là cuốn từ điển ngôn ngữ dân tộc thiểu số đầu tiên không chỉ ở dạng song ngữ mà là dạng đa ngôn ngữ. Ví dụ: **trập trùng** ăng ăc. *Núi*

non ~: *khau phja ăng ăc* [17, tr.470]. Sách đã thu thập các tổ hợp từ, cụm từ cố định mà ranh giới giữa cụm từ và từ ghép không rõ ràng, một số từ tổ mang tính độc lập trong chừng mực nhất định. Trong trường hợp không tìm được từ tương đương để đối dịch, từ điển này dùng cách giải thích bằng tiếng Tày - Nùng hoặc phiên âm kèm giải thích bằng tiếng Tày - Nùng.

Từ điển Việt - Mnông [20] do Đinh Lê Thư, Nguyễn Văn Huệ đồng chủ biên, Nxb. Giáo dục in năm 2002, có 292 trang, khổ 14,3×20,3 cm. Sách gồm hơn 8.000 mục từ thông dụng trong tiếng Việt được đối dịch sang tiếng Mnông, nhằm mục đích dạy học tiếng Việt và tiếng Mnông, từ ngữ dùng để đối chiếu thuộc phương ngữ Preh nơi đa số đồng bào Mnông sống ở 2 huyện Đăk Nông và Đăk Min, vùng ven Buôn Ma Thuột. Các đơn vị đồng âm có quan hệ nguồn gốc - ngữ nghĩa của tiếng Việt được xếp vào cùng một mục từ. Những từ ngữ Mnông tương ứng các từ loại khác nhau của cùng một mục từ được đánh số bằng số La Mã và đặt ở 2 dòng khác nhau, theo trật tự danh từ, động từ, tính từ, đại từ, phó từ, liên từ. Có ngữ cảnh ví dụ tiếng Việt kèm theo lời dịch bằng tiếng Mnông [8, tr.679].

Từ điển Việt - Xơ Đăng [4] do Lê Đông và Tạ Văn Thông đồng chủ trì. Đây là công trình nằm trong nhóm công trình từ điển về ngôn ngữ dân tộc thiểu số người Xơ Đăng, Nxb. Văn hóa - Thông tin in năm 2008, thuộc loại từ điển song ngữ đối chiếu cỡ nhỏ. Cuốn từ điển lấy tiếng người dân tộc Xơ Đăng cư trú tại huyện Đăk Tô (tỉnh Kon Tum) làm đối tượng thu thập biên soạn. Nội dung cuốn từ điển gồm các phần: lời cảm ơn, lời mở đầu và phần từ điển gồm khoảng 4.000 mục từ, phần lớn thuộc vốn từ cơ bản phục vụ giao tiếp sinh hoạt hàng ngày, từ ngữ

tiếng Việt dùng làm ngôn ngữ đích để đối chiếu với từ ngữ tiếng Xơ Đăng [4, tr.8]. Ví dụ: **ăm no** totro niên. **Cuộc sống ăm no** todróang reh totro niên [4, tr.26]. Cuốn từ điển là tài liệu tham khảo hữu ích giúp tìm hiểu nghiên cứu sâu hơn về tiếng Xơ Đăng trong quan hệ với tiếng Việt, góp phần quan trọng vào việc dạy và học tiếng Việt, tiếng Xơ Đăng.

2.2. Từ điển tiếng dân tộc thiểu số - tiếng Việt

Từ điển Mường - Việt [14] do Nguyễn Văn Khang biên soạn, Nxb. Văn hóa Dân tộc in năm 2002, sách có 555 trang. Tiếng Mường là ngôn ngữ của người Mường tại Việt Nam. Ngôn ngữ này có mối liên hệ gần gũi với tiếng Việt và được xem như thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường trong ngữ tộc Môn - Khmer của ngữ hệ Nam Á. Đây là ngôn ngữ thanh điệu với 5 thanh. Thanh điệu tiếng Mường gần với phương ngữ Thanh Hóa, Nghệ An của tiếng Việt. Tiếng Mường được nói chủ yếu tại các tỉnh vùng núi phía Bắc Việt Nam như: Hòa Bình, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Sơn La và Ninh Bình. Nội dung từ điển gồm các phần: lời giới thiệu, lời nói đầu, nguyên tắc và thể lệ biên soạn, dự thảo phương án chữ Mường (nguyên tắc chung; bảng chữ cái; cách ghi âm đầu, âm đệm, âm giữa, âm cuối, cách ghi thanh điệu; bộ vần; những quy định về chính tả; bài áp dụng) và phần chính của từ điển là bảng mục từ. Trước khi cuốn từ điển này xuất bản, tiếng Mường chưa có chữ viết hay đúng ra là chưa có được một cách ghi thống nhất. Tiếng Mường ở từng địa phương, từng vùng lại có cách phát âm khác nhau, cách nói khác nhau và có các từ ngữ không giống nhau. Trước những khó khăn như vậy, các tác giả đã cố gắng tham gia vào xây dựng một

phương án chữ Mường để tạo sự thống nhất cách ghi trong từ điển. Từ điển được biên soạn nhằm xây dựng cách ghi thống nhất để giúp cho việc thu thập, bảo vệ, giữ gìn cũng như phát huy nền văn hóa Mường.

Từ điển Xơ Đăng - Việt [5] do Lê Đông và Tạ Văn Thông đồng chủ trì, Nxb. Văn hóa - Thông tin in năm 2008, ngoài phần lời cảm ơn, lời mở đầu, phần chính cuốn sách gồm khoảng 3.000 mục từ, từ ngữ tiếng Xơ Đăng là ngôn ngữ được đối chiếu còn tiếng Việt là ngôn ngữ đối chiếu. Các từ ngữ được lựa chọn chủ yếu dựa trên cơ sở điển dã thực tế, ngoài ra cũng có sự tham khảo thêm ở các tư liệu sách, báo khác. Từ ngữ tiếng Việt và tiếng Xơ Đăng đều thuộc vốn từ phổ thông, trên cơ sở nghĩa cơ bản, nghĩa thường dùng ở cả hai ngôn ngữ [5, tr.9]. Ví dụ: **chিং khóng** như **cheang khóng** giày. **Chিং khóng** kέα giày da. **Trua chিং khóng** đi giày, xỏ giày [5, tr.50]. Việc biên soạn thành công cuốn từ điển này đã góp phần thiết thực cho việc dạy và học tiếng Xơ Đăng và tiếng Việt ở vùng đồng bào dân tộc Xơ Đăng. Đồng thời đây cũng là tài liệu tham khảo để tìm hiểu, nghiên cứu về quan hệ ngôn ngữ giữa tiếng Xơ Đăng và tiếng Việt.

Từ điển Tày - Việt [2] do Lương Bền, Nông Viết Toại biên soạn, Nxb. Đại học Thái Nguyên xuất bản năm 2011. Cuốn sách ngoài các mục lời giới thiệu, lời nói đầu và hướng dẫn sử dụng thì phần chính từ điển gồm 10.000 mục từ, thu thập các từ ngữ phổ biến sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày và những từ chỉ xuất hiện trong thơ ca, những từ cổ của dân tộc Tày. Cuốn từ điển này đã đối dịch chính xác, đầy đủ và đưa ra được những ngữ cảnh điển hình. Ví dụ: **Au châu** thờ **hết bấu lập** ~: làm không kịp thờ [2, tr.18]. Đối với mỗi mục từ tiếng

Tày đều được phân tích các nghĩa cụ thể, tinh tế dựa trên những ngữ cảnh thường xuất hiện, để rồi từ đó mới chọn những từ tiếng Việt tương ứng để đối dịch. Các hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa, đa nghĩa, hiện tượng chuyển loại của từ ngữ trong tiếng Tày đều được xử lý cụ thể và thỏa đáng. Thông thường nội hàm của một từ trong tiếng Tày (từ được đối dịch) không hoàn toàn tương đương trọn vẹn với một từ tiếng Việt (từ dùng để dịch), trong cuốn từ điển này nhóm biên soạn đã phải tìm đủ các từ trong tiếng Việt để cố gắng có thể biểu đạt đầy đủ nhất được nội dung ý nghĩa của từ ngữ tiếng Tày. Các mục từ được đối dịch chính xác, có ngữ cảnh để minh họa.

Gần đây nhất cũng có thêm một cuốn *Từ điển Tày - Việt* [1] do Hoàng Triều Ân, Vương Toàn cùng chủ trì biên soạn, Nxb. Văn hóa Dân tộc phát hành năm 2016. Đây là công trình tra cứu từ điển đối dịch song ngữ Tày - Việt với hơn 6.450 mục từ phổ thông, gần gũi và tiện dụng trong đời sống hằng ngày của cả hai dân tộc Tày, Việt và một số nhóm dân tộc anh em khác đã và đang sử dụng tiếng Tày. Mỗi mục từ đều có phần chú giải và ví dụ rất dễ hiểu, dễ ứng dụng trong giao tiếp. Tiếng Tày là ngôn ngữ được đối dịch (ngôn ngữ gốc), tiếng Việt là ngôn ngữ đối dịch (ngôn ngữ đích). Trong cuốn từ điển, tiếng Tày được lấy làm điểm xuất phát (gốc), để từ đó tìm sự thể hiện tương ứng của tiếng Việt (đích). Trong mỗi mục, ngoài các từ ngữ Tày được đối dịch với tiếng Việt, còn có các ví dụ minh họa cách dùng các từ ngữ này, giải thích thêm, sự phát sinh nghĩa, chuyên chú.

3. Kết luận

Mục đích quan trọng nhất của từ điển song ngữ tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số trước hết là phục vụ cho việc dạy và học

tiếng Việt đối với đồng bào các dân tộc thiểu số. Phần lớn các tác giả tham gia biên soạn đều nhận thức rõ ràng tầm quan trọng của mục đích này. Đi sâu hơn nữa, những người đã và sẽ tiếp tục công việc này cần phải xác định rõ, đây là công cụ chủ yếu giúp đồng bào các dân tộc thiểu số hiểu được tiếng Việt ở các khía cạnh nghe, đọc, viết. Vì vậy, khi biên soạn và biên tập từ điển, chúng ta cần phải hướng đến các nội dung nhằm đảm bảo các mục tiêu đặt ra.

Qua khảo sát chúng ta thấy được tất cả các từ điển song ngữ tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số hiện có đều có cấu trúc chung là phần lời giới thiệu, lời mở đầu và phần từ điển, trong đó phần từ điển đều sắp xếp theo trật tự bảng chữ cái chữ Quốc ngữ. Về nguyên tắc như chúng ta đã biết, ngoài cách sắp xếp này, các mục từ trong từ điển đối chiếu song ngữ cũng có thể được sắp xếp theo các nhóm nghĩa khác nhau (các trường từ vựng - ngữ nghĩa khác nhau). Tuy nhiên, tình hình thực tế hiện nay ở nước ta thì các từ điển kiểu này hầu như chưa được biên soạn. Việc sắp xếp các mục từ theo các trường từ vựng - ngữ nghĩa cũng có những ưu điểm riêng nhưng đó là một công việc khá phức tạp. Vì thế, việc lựa chọn theo trật tự bảng chữ cái như các nhà biên soạn đã làm vẫn là một sự lựa chọn hợp lý và thực tế hơn cả. Việc lựa chọn bộ chữ viết nào để đưa vào sử dụng trong từ điển là cả một vấn đề cần được cân nhắc cẩn thận. Biên soạn từ điển của một dân tộc, người ta thường nghĩ đến việc lấy tiếng nơi nào làm chuẩn. Nơi đó thường là một nơi tập trung đông dân cư, kinh tế phát triển, có nhiều sự giao lưu về kinh tế, thương mại và văn hóa, là địa phương trung tâm về nhiều mặt; cũng là nơi ngôn ngữ phát triển hơn cả theo sự phát triển của dân tộc thiểu số đó, tộc người cư trú ở đó. Vốn từ vựng nơi đó cũng là phong

phủ nhất và ngữ âm nơi đó được chuẩn hóa.

Hiện nay, yêu cầu bảo tồn và phát triển ngôn ngữ (tiếng mẹ đẻ) của các dân tộc thiểu số là một trong những vấn đề đang được đặt ra cấp thiết. Nhân tố quan trọng nhất đem lại sức sống cho các ngôn ngữ là chúng được truyền dạy và được sử dụng trong đời sống xã hội. Hy vọng rằng với những kết quả quan trọng đã đạt được, chúng ta sẽ có nhiều cuốn từ điển song ngữ tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số quy mô, hoàn thiện và đạt được nhiều kết quả tốt hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Triều Ân, Vương Toàn, *Từ điển Tày - Việt* ra đời, Nxb. Văn hóa dân tộc, 2016.
- [2] Lương Bền, Nông Viết Toại, *Từ điển Tày - Việt*, Nxb. Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2011.
- [3] Romah Đêl, *Từ điển Việt - Giarai*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.
- [4] Lê Đông - Tạ Văn Thông, *Từ điển Việt - Xơ Đăng*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2008.
- [5] Lê Đông - Tạ Văn Thông, *Từ điển Xơ Đăng - Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2008.
- [6] Nguyễn Thiện Giáp (Chủ biên), *Lược sử Việt ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2005.
- [7] Hoàng Văn Hành, Tạ Văn Thông, Vũ Bá Hùng, ... *Từ điển Việt - Kôho*, Nxb. Sở Văn hóa thông tin Lâm Đồng, 1983.
- [8] Vũ Quang Hào, *Kiểm kê Từ điển học Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
- [9] Trần Thị Hiền, “Một số vấn đề của từ điển song ngữ (qua tư liệu từ điển song ngữ Anh - Việt)”, Kỷ yếu khoa học *Những vấn đề Ngôn ngữ học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
- [10] Sơn Phước Hoan, Phan Xuân Thành, *Từ điển Việt - Khmer*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
- [11] Nguyễn Hữu Hoành, “Một số nhận xét bước đầu về từ điển Việt - Dân tộc”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 3, tr. 78-88, 2011.
- [12] Hoàng Học, *Từ điển Việt - Khome*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979.
- [13] Inrasara, Phan Xuân Thành, *Từ điển Việt - Chăm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
- [14] Nguyễn Văn Khang, *Từ điển Mường - Việt*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2002.
- [15] Bùi Thế Khánh, *Từ điển Việt - Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.
- [16] Nguyễn Văn Lợi, “Từ điển học về việc bảo tồn, phát triển ngôn ngữ có nguy cơ tiêu vong ở Việt Nam”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 4, tr. 4-12, 2012.
- [17] Hoàng Văn Ma, Lục Văn Páo, *Từ điển Việt - Tày - Nùng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984.
- [18] Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.
- [19] Đoàn Văn Phúc, *Từ điển Việt - Êđê*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1993.
- [20] Đinh Lê Thư, Nguyễn Văn Huệ (Đồng Chủ biên), *Từ điển Việt - Mnông*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.